

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2017

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm

2. Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20-7-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992.

ĐKKHKT: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984.

ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 2014, được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T ngày 04/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 6 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, thêm vào đó chị T tuy đã có một con riêng với đời chồng trước nhưng lại có lối sống không chung thủy, có nhiều mối quan hệ không rõ ràng với một số người và nhiều lần bỏ đi cả tuần không về nhà, chính vì thế mà vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau, xúc phạm nhau, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, xa

cách. Từ tháng 6/2016, khi mâu thuẫn vợ chồng đến đỉnh điểm, anh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn chị T đi đâu, làm gì anh không quan tâm, hai bên sống ly thân, bỏ mặc cho bên kia muốn sống ra sao thì sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để hai bên ổn định cuộc sống.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chủ yếu ở quê vợ, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được gần 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Anh T không chịu làm ăn để chăm lo cho gia đình mà chỉ chơi bời lêu lổng, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do một mình chị phải gánh vác, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Đỉnh điểm là tháng 11/2016, vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện K sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Ban đầu chị T xác định không đồng ý ly hôn anh T nhưng cũng không tìm được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, sau đó chị xác định trường hợp anh T vẫn cương quyết ly hôn, chị cũng nhất trí để hai bên ổn định cuộc sống nhưng chị sẽ không đến Toà án làm việc, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị T đều xác định vợ chồng không con chung nên Toà án không phải giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Hữu C (bố chị T) xác định về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như vợ chồng anh T và chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị ấy không ở một nơi cố định, việc mâu thuẫn của anh chị ấy ông không nắm được. Là bậc cha mẹ, ai cũng mong muốn các con mình hạnh phúc, nếu vợ chồng anh chị ấy không chung sống được với nhau thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc với Trưởng thôn, Chi hội phụ nữ thôn T, xã Đ xác định: anh T và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Do anh chị ấy chỉ sống ở địa phương một thời gian rồi lại đi làm ăn nên anh chị ấy có mâu thuẫn gì không địa phương không nắm được, anh chị ấy không đề nghị chính quyền địa phương can thiệp nên thôn không tiến hành hòa giải.

Tại phiên toà, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị T, vợ chồng không có con chung nên Toà án không phải giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị

đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên toà họp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm cộng với vợ chồng không có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Theo anh T trình bày; chị T có lối sống không chung thủy, có nhiều mối quan hệ không rõ ràng, nhiều lần bỏ đi cả tuần không về nhà. Theo chị T trình bày; anh T mãi chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình. Từ tháng 6-2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, ai chỉ biết bốn phận của người đó, bỏ mặc bên kia muốn sống ra sao thì sống. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn chị T. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần có giấy triệu tập mời chị T đến làm việc, tham gia hoà giải nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do, không có giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh T, chị T không có con chung nên Tòa án không phải giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Anh T và chị T đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không phải giải quyết.

3- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Anh T và chị T đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0003881 ngày 08-5-2017.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THA dân sự huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân